

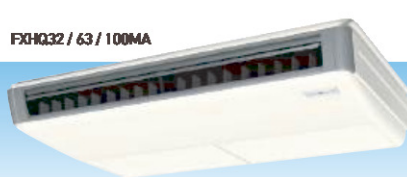
Áp trần

Mới FXHQ-MA / B

FXHQ32 / 63 / 100MA

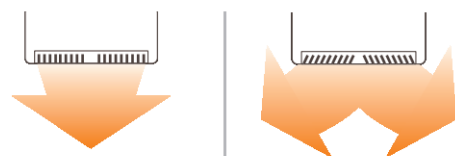
Mới FXHQ125 / 140B

Thiết kế mỏng với luồng gió yên tĩnh và góc thổi rộng



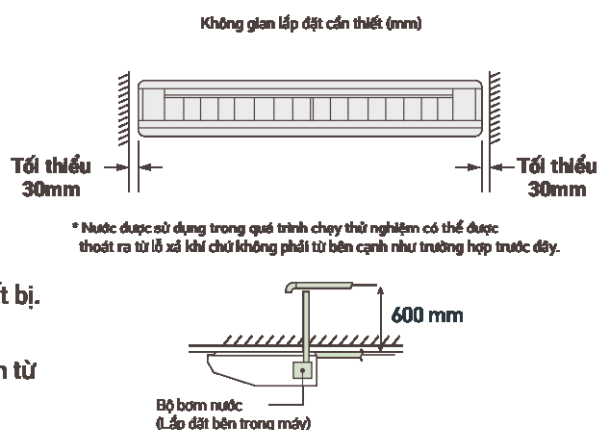
Thoải mái

- Đảo gió tự động (lên và xuống) và cửa gió (trái và phải bằng tay) mang lại cảm giác thoải mái cho căn phòng.
- Cánh gió điều chỉnh thủ công cho luồng gió thẳng hoặc góc rộng.



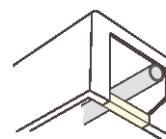
Lắp đặt linh hoạt

- Lắp đặt linh hoạt
Thiết bị phù hợp với không gian chật hẹp.
- Bộ bơm xả (tùy chọn) có thể dễ dàng kết hợp.
Kết nối đường ống thoát nước có thể được thực hiện bên trong thiết bị.
Cửa môi chất lạnh và ống thoát nước ở cùng một lỗ.
- Tất cả hệ thống dây điện và bảo dưỡng nội bộ có thể được thực hiện từ bên dưới thiết bị.



Các model 125/140 mới cung cấp công suất lớn hơn cho không gian rộng

- Công nghệ của động cơ quạt DC, quạt sirocco rộng và bộ trao đổi nhiệt lớn kết hợp để tạo ra luồng gió lớn hơn và vận hành êm ái.
- Thiết kế tinh tế: Cánh đóng lại gọn gàng khi không sử dụng.
- Thích hợp cho trần nhà cao: tối đa 4.3 m
- Kiểm soát lưu lượng gió đã được cải thiện từ 2 bước thành 3 bước.
- Bộ bơm nước xả (tùy chọn) bao gồm chất kháng khuẩn ion bạc giúp ngăn chặn sự phát triển của chất nhờn, vi khuẩn và nấm mốc gây mùi và tắc nghẽn.
- Khung có thể tháo rời phía sau cho phép dễ dàng tiếp cận cho công việc liên quan đường ống.



Dễ dàng thực hiện các thao tác trên đường ống

Sạch sẽ

Mới Thiết bị lọc khí Streamer (Tùy chọn) cho model 125 / 140 mới

Xem trang 5-6

Công nghệ Daikin Streamer tăng cường hiệu quả tối đa trong việc làm sạch, sử dụng các đặc tính phân hủy mạnh mẽ để phân hủy các chất bị phin lọc giữ lại để có chất lượng không khí tốt hơn.

Ghi chú:

1) Chỉ có thể kết nối bộ điều khiển từ xa BRC1H63W(K) để BẬT / TẮT hoạt động của bộ phát Streamer.

2) Chức năng Streamer chỉ hoạt động khi ngừng hoạt động của quạt và điều hòa. Thời gian hoạt động tối đa của Streamer là 180 phút mỗi ngày.



BAPW55A61



Thông số kỹ thuật

MODEL			FXHQ32MAVE	FXHQ63MAVE	FXHQ100MAVE	FXHQ125BVM	FXHQ140BVM
Nguồn điện			1 pha, 220-240 V/220 V, 50/60 Hz			1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz	
Công suất làm lạnh		Btu/h	12,300	24,200	38,200	48,000	52,900
		kW	3.6	7.1	11.2	14.1	15.5
Công suất sưởi		Btu/h	13,600	27,300	42,700	54,600	58,000
		kW	4.0	8.0	12.5	16.0	17.0
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	0.111	0.115	0.135	0.168	0.181
	Sưởi		0.111	0.115	0.135	0.168	0.181
Vỏ máy			Trắng (10Y9/0.5)			Tấm kim loại / Trắng	
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)		m³/phút	12/-/10	17.5/-/14	25/-/19.5	34/26/20	36/27/20
		cfm	424/-/353	618/-/494	883/-/688	1,200/918/706	1,271/953/706
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp)		dB(A)	36/-/31	39/-/34	45/-/37	46/41/37	48/42/37
Kích thước (C x R x D)		mm	195x960x680	195x1,160x680	195x1,400x680	235x1,590x690	
Trọng lượng máy		kg	24	28	33	41	
Kết nối ống	Lỏng (Loe)	mm	φ 6.4	φ 9.5			
	Hơi (Loe)		φ 15.9				
	Nước xả		VP20 (Đường kính ngoài 26/Đường kính trong 20)				

Ghi chú: Điều kiện thử nghiệm và xác định các thông số hoạt động của hệ thống tuân theo tiêu chuẩn ISO15042 về xác định các thông số hoạt động của hệ thống điều hòa trung tâm. Các thông số kỹ thuật dựa trên điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ bên trong: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ bên ngoài: 35°CDB, Chiều dài tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Sưởi: Nhiệt độ bên trong: 20°CDB, Nhiệt độ bên ngoài: 7°CDB, 6°CWB, Chiều dài tương đương: 7.5 m, Chênh lệch độ cao: 0 m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh dựa trên tổng công suất danh định (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết).
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không dội âm. Vị trí đo phía trước cách trung tâm máy 1 m và 1 m phía dưới.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh.